

Phụ lục IV

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA KÉO DÀI TỪ NĂM 2025 SANG NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số: 317/NQ-HĐND ngày 13 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	ĐƠN VỊ	Kinh phí sự nghiệp năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026 còn dư không thực hiện trước điều chỉnh, bổ sung			Điều chỉnh giảm			Điều chỉnh tăng/Bổ sung			Kinh phí sự nghiệp năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026 sau điều chỉnh, bổ sung			Ghi chú
		Tổng	Trong đó		Tổng	Trong đó		Tổng	Trong đó		Tổng	Trong đó		
			NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP	
	TỔNG	18.247,730	17.913,243	334,487	18.247,730	17.913,243	334,487	18.247,730	17.913,243	334,487	18.247,730	17.913,243	334,487	
A	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021 - 2025	18.247,730	17.913,243	334,487	18.247,730	17.913,243	334,487							
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	18.062,458	17.746,571	315,887	18.062,458	17.746,571	315,887							
1	Cấp tỉnh (các đơn vị có nhu cầu điều chỉnh giảm)	17.779,858	17.525,211	254,647	17.779,858	17.525,211	254,647							
1.1	Sở Giáo dục và Đào tạo	16.730,540	16.577,671	152,869	16.730,540	16.577,671	152,869							
-	Tiểu dự án 1 - Dự án 5	668,540	515,671	152,869	668,540	515,671	152,869							
-	Tiểu dự án 2 - Dự án 5	16.062,000	16.062,000		16.062,000	16.062,000	-							
1.2	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	1.049,318	947,540	101,778	1.049,318	947,540	101,778							
-	Dự án 8	1.049,318	947,540	101,778	1.049,318	947,540	101,778							
2	Cấp xã đã nộp trả ngân sách tỉnh	282,600	221,360	61,240	282,600	221,360	61,240							
II	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	185,272	166,672	18,600	185,272	166,672	18,600							
1	Cấp tỉnh	75	68	7	75	68	7							
	Sở Giáo dục và Đào tạo	75	68	7	75	68	7							
-	Tiểu dự án 1 - Dự án 4	75	68	7	75	68	7							
2	Cấp xã đã nộp trả ngân sách tỉnh	110,272	98,672	11,600	110,272	98,672	11,600							
B	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2026 - 2030							18.247,730	17.913,243	334,487	18.247,730	17.913,243	334,487	
	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030							18.247,730	17.913,243	334,487	18.247,730	17.913,243	334,487	
1	Xã Cao Minh							5.440	5.440		5.440	5.440		
2	Xã Nghiễn Loan							2.160	2.160		2.160	2.160		
3	Xã Phúc Lộc							2.400	2.400		2.400	2.400		
4	Xã Văn Lang							1.440	1.440		1.440	1.440		
5	Xã Nghĩa Tả							1.600	1.600		1.600	1.600		
6	Xã Yên Phong							2.400	2.400		2.400	2.400		
7	Xã Trần Phú							1.440	1.440		1.440	1.440		
8	Xã Bằng Thành							1.367,730	1.033,243	334,487	1.367,730	1.033,243	334,487	